

Bản án số: 165/2024/HS-PT
Ngày: 05-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Bích Sơn

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2024/TLPT-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo Phạm Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn T; sinh năm: 1982; tại: tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Không có; chỗ ở hiện nay: Không có chỗ ở ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không rõ; con bà Phạm Ngọc G; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 12/7/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 57/HSST; Do có kháng cáo nên ngày 14/9/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 92/2006/HSPT ngày 14/9/2006. Ngày 05/4/2002, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 32/QĐ-UB áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong). Ngày 20/3/2004, bị Công an P, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của (Kho bạc Nhà nước tỉnh V thông tin do thời gian đã lâu nên không còn hồ sơ lưu quản lý việc đóng phạt vào năm 2004). Ngày 10/3/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thị xã V, tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 60/QĐ-UB áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong). Ngày 07/3/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 20/2005/HSST (đã chấp hành xong toàn bộ bản án). Ngày 04/9/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 95/2008/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2009 và nộp án phí hình sự sơ thẩm). Ngày 24/10/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, thời hạn 15 tháng; đến ngày 07/11/2023, Cơ sở cai nghiện ma túy P1 ban hành Quyết định số 188/QĐ tạm đình chỉ việc chấp hành để phục vụ điều tra vụ án).

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 07/11/2023 đến nay (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:*

Bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ: H Tỉnh lộ 2, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là đối tượng nghiện ma túy, không có nơi ở nhất định, thường xuyên đến bãi đất trống trong Khu công nghiệp T C - thuộc ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm chỗ ngủ. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 20/8/2023, T gặp người tên T1 (chưa rõ lai lịch; cũng là đối tượng nghiện ma túy; không nơi ở nhất định) tại địa điểm nêu trên, T1 rủ T cùng sử dụng ma túy và rủ T cùng đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu MAXNEO, biển số 59F1-044.49 chở T ngồi sau đi từ Khu công nghiệp T C ra Tỉnh Lộ 2 khi đi đến nhà số H, Tỉnh lộ 2, Tổ E, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì cả hai nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SUPER DREAM, biển số: 53Y2 - 9935, số máy: HAO5E-0196441, số khung: WY-196429 của ông Nguyễn Văn H dựng trong nhà không người trông coi nên T và T1 quyết định dừng xe trước nhà ông H để trộm xe trên. T lúc đó ngồi trên xe mô tô biển số 59F1 - 044.49 dừng ngoài Tỉnh lộ 2 trước nhà ông Hoàn cảnh giới, canh đường cho T1 đi vào trong nhà ông H trộm xe mô tô biển số: 53Y2 - 9935 và dẫn xe ra Tỉnh lộ 2, T1 sau đó nổ máy và điều khiển xe mô tô biển số: 53Y2 - 9935 theo Tỉnh lộ 2 chạy về hướng Củ Chi, T cũng nổ máy xe mô tô biển số 59F1 - 044.49 tẩu thoát theo T1 thì ông H phát hiện xe mô tô biển số: 53Y2-9935 của mình bị T1 và T trộm nên đã lấy xe mô tô truy hô cùng người dân đuổi theo bị can T và tên T1 liên tục đến địa điểm trước trụ điện số “STIL7 T085L” trên Tỉnh lộ 7 thuộc Tổ A, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H cùng với ông Trần Thanh T2, ông Nguyễn Khánh L bắt giữ được T cùng xe mô tô biển số 59F1-044.49 giao Công an xã T Thượng lập hồ sơ xử lý. Riêng T1 thì điều khiển xe mô tô biển số: 53Y2

- 9935 chạy thoát về hướng xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa làm việc được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2023.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên buộc về trách nhiệm dân sự của bị cáo, nghĩa vụ chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/3/2024, bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt; và đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Đã kết luận, đủ căn cứ xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm đối với lần Phạm Văn T phạm tội bị xét xử tuyên phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 57/HSST ngày 12/7/2006 của Tòa án nhân dân Thị xã Vĩnh Long và bản án phúc thẩm số 92/2006/HSPT ngày 14/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù; về án phí qua xác minh tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chưa thụ lý thi hành bản án) nên chưa được xóa án tích và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa đảm bảo tính có căn cứ pháp luật và gây bất lợi cho bị cáo. Bởi lẽ: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 60; khoản 2, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lần Phạm Văn T phạm tội bị xét xử nêu trên đã hết thời hiệu thi hành bản án và đến ngày bị cáo phạm tội trong vụ án này đã được đương nhiên xóa án tích; nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp “*tái phạm*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt tù cho bị cáo Phạm Văn T từ 03 tháng đến 06 tháng tù, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2024, bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại các Điều 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên về hình thức được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh:

[2.1] Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Phạm Văn T tại cấp phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22h45' ngày 20/8/2023, bị cáo Phạm Văn T cùng đối tượng tên T1 (chưa rõ lai lịch) đã đồng phạm thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút, bí mật đột nhập vào trong nhà chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn H là 01 (một xe) mô tô nhãn hiệu Honda SUPER DREAM, biển số: 53Y2-9935, số máy: HAO5E-0196441, số khung: WY-196429 (có trị giá 11 triệu đồng) tại nhà số H Tỉnh lộ 2, Tổ E, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt là 11 triệu đồng (thuộc trường hợp có trị từ 02 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng) và hành vi nêu trên của bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Phạm Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về tình tiết giảm nhẹ trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ.

Xét về nhân thân: bị cáo Phạm Văn T đã nhiều lần phạm tội bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản và nhiều lần bị xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuy nhiên, đối với lần Phạm Văn T bị xét xử tuyên phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự phúc thẩm số 92/2006/HSPT ngày 14/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù; chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm - Qua xác

minh tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chưa thụ lý thi hành bản án) nên đã hết thời hiệu 05 năm thi hành bản án và bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn 02 năm kể từ khi hết thời hiệu thi hành bản án - theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 và khoản 2, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó đến ngày 20/8/2023, bị cáo Phạm Văn T phạm tội trong vụ án này thì lần phạm tội nêu trên đã được đương nhiên được xóa án tích. Theo đó, cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng tình tiết tăng nặng: “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa chính xác và gây bất lợi cho bị cáo, cần lưu ý rút kinh nghiệm khi áp dụng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo là người nghiện lâu năm và có nhân thân xấu cần lưu ý khi quyết định hình phạt. Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng khi quyết định hình phạt không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”, mức án cấp sơ thẩm xử phạt là có phần nghiêm khắc.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự của bị cáo Phạm Văn T, theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử là căn cứ để chấp nhận quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T; sửa bản án sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự của bị cáo Phạm Văn T.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2023.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND huyện Củ Chi; (1)
- VKSND huyện Củ Chi; (1)
- Công an huyện Củ Chi; (1)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (19) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang